



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
-----o0o-----



NGUYỄN HỒNG DIỆP

PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chuyên ngành: **Kinh tế Chính trị**

Mã số: **60 31 01**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS Phạm Văn Dũng

Trưởng khoa Kinh tế chính trị

Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN

HÀ NỘI - 09 / 2008

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương 1	4
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ:.....	4
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ	4
<i>1.1. Khái luận về phát triển công nghiệp dầu khí.....</i>	<i>4</i>
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	4
1.1.2. Đặc trưng chung của ngành công nghiệp Dầu khí	4
1.1.3. Vai trò của công nghiệp dầu khí.....	5
1.1.4. Điều kiện và nội dung phát triển ngành công nghiệp dầu khí	6
<i>1.2. Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực về phát triển Ngành công nghiệp Dầu khí.....</i>	<i>7</i>
Chương 2:	8
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ VN	8
<i>2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành công nghiệp Dầu khí của Việt Nam.....</i>	<i>8</i>
2.1.1. Các nhân tố trong nước	8
2.1.2. Các nhân tố ngoài nước.....	9
<i>2.2. Lịch sử hình thành ngành công nghiệp Dầu khí Việt Nam.....</i>	<i>10</i>
<i>2.3. Hiện trạng phát triển các hoạt động trong ngành dầu khí</i>	<i>10</i>
2.3.1. Hiện trạng phát triển các hoạt động dầu khí trong nước.....	10
2.3.2. Công tác đầu tư phát triển các hoạt động dầu khí ra nước ngoài ...	13
<i>2.4. Đánh giá chung</i>	<i>13</i>
2.4.1. Đánh giá tổng hợp hiện trạng	13
2.4.2. Phân tích, đánh giá thế mạnh/điểm yếu cũng như cơ hội/ thách thức trong việc phát triển ngành công nghiệp dầu khí VN trong thời gian tới.	14
Chương 3	16
CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM	16
<i>3.1. Bối cảnh chung.....</i>	<i>16</i>
<i>3.2. Các quan điểm phát triển Ngành công nghiệp Dầu khí VN.....</i>	<i>17</i>
<i>3.3. Đề xuất các giải pháp phát triển Ngành công nghiệp Dầu khí VN....</i>	<i>19</i>
3.3.1. Xây dựng chiến lược phát triển ngành	19
3.3.2. Tạo lập môi trường.....	19
KẾT LUẬN.....	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO	23

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công nghiệp dầu khí là một Ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X đã xác định rõ tầm quan trọng và khẳng định vị trí của ngành kinh tế mũi nhọn Dầu khí trong nền kinh tế quốc dân. Sau hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Ngành Dầu khí Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc, nhất là từ khi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành, đã thu hút được hàng chục công ty dầu khí thế giới đầu tư vào thăm dò dầu khí với số vốn lên đến trên 7 tỷ USD, phát hiện nhiều mỏ dầu khí mới, sản lượng khai thác dầu khí tăng nhanh, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế cuối thập niên 80 của thế kỷ 20 và đưa Việt Nam vào danh sách các nước xuất khẩu dầu trên thế giới.

Trữ lượng và tiềm năng dầu khí các bể trầm tích của Việt ả am dự báo là rất đáng kể (khoảng 4600 triệu tấn quy dầu, khí chiếm khoảng 50%, phân bố chủ yếu ở thềm lục địa). Trữ lượng dầu khí đã phát hiện vào khoảng trên 1200 triệu tấn quy dầu, trong đó đã phát triển và đưa vào khai thác 11 mỏ dầu, khí. Tiềm năng dầu khí chưa phát hiện ở các diện tích còn lại khá lớn. Đó là tài sản có giá trị và là cơ sở xây dựng định hướng phát triển ngành dầu khí trong thời gian tới. Với những nỗ lực phấn đấu, phát triển mạnh mẽ, ngành dầu khí đã và đang từng bước trở thành một ngành kinh tế hoàn chỉnh, có nhiều đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước và góp phần vào sự ổn định, phát triển của nền kinh tế đất nước. Chỉ tính riêng trong năm 2007 vừa qua, ả ngành Dầu khí đã đạt doanh thu trên 180 nghìn tỷ đồng, tăng 17,5% so với năm 2006 và chiếm gần 18% GDP của cả nước; nộp ngân sách ả hà nước trên 80 nghìn tỷ đồng, tăng 26,7% và chiếm 28,5% tổng thu ngân sách ả hà nước.

Tuy nhiên phát triển của ả ngành Dầu khí đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, mức độ rủi ro cao, trình độ khoa học công nghệ hiện đại, tính quốc tế hóa rộng rãi,... trong khi nền công nghiệp dầu khí nước ta còn non trẻ, kinh nghiệm tổ chức và quản lý chưa nhiều. Đây chính là một thách thức lớn đối với ngành dầu khí Việt ả am. Do vậy việc nghiên cứu để tìm hướng phát triển ngành công nghiệp dầu khí sao cho có đủ sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế trên cơ sở hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại là một việc hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt từ khi Việt ả am chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO).

2. Tình hình nghiên cứu

Qua khảo sát và thống kê tư liệu các đề tài/báo cáo khoa học/ luận văn thạc sỹ về lĩnh vực dầu khí nói chung đã có những nghiên cứu sau:

- “Đổi mới Doanh nghiệp dịch vụ ngành dầu khí Việt ả am trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCả ” – Ths. Vũ Quang Tiến – 7/2003_ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- “Xây dựng chiến lược cạnh tranh cho hoạt động kinh doanh sản phẩm Gas của Tổng công ty dầu khí Petro Việt ả am đến năm 2010” - Ths. Bùi Tuấn Anh – 10/2004 _ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- “Đa dạng hóa sở hữu ngành dầu khí nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng XHC ả ở Việt ả am” – Ths. Đinh Thị Thủy – 6/2006 _ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- “Xây dựng chiến lược kinh doanh cho Tổng Công ty dầu khí Việt ả am giai đoạn đến năm 2020” – Ths. Hoàng Thị Đào - 6/2004 _ Trường Đại học Bách khoa Hà nội.
- “Xây dựng chiến lược kinh doanh phân phối sản phẩm xăng dầu cho Tập đoàn dầu khí Việt ả am giai đoạn đến năm 2025” – Ths. ả guyễn Huy Tiến - 10/2007 _ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Một số tuyển tập Báo cáo hội nghị khoa học công nghệ do Trường đại học Mỏ và Viện Dầu khí thực hiện, chia thành các chuyên đề chính như: Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí; chế biến dầu khí; kinh tế quản lý dầu khí,...
- Các sách, tạp chí chuyên ngành dầu khí ở trong và ngoài nước.

ả hìn chung, cho đến nay những nghiên cứu trên đây về ả gành dầu khí nói chung và các luận văn thạc sỹ về lĩnh vực này nói riêng còn rất hạn chế, chủ yếu là đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề theo từng chuyên ban nhỏ hoặc phục vụ cho phát triển từng công ty.

Do đó điều quan trọng hiện nay là cần phải tiến hành nghiên cứu tổng thể kế hoạch phát triển ả gành Dầu khí trong giai đoạn Việt nam đang hội nhập sâu rộng và nền kinh tế thế giới, để từ đó xác định khả năng phát triển, lĩnh vực ưu tiên, mục tiêu đạt được trong ngắn hạn và dài hạn cùng những giải pháp thực hiện phù hợp. Đây là nội dung mới, lĩnh vực rộng và rất cần được sớm nghiên cứu để có cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách hoạt động của ả gành công nghiệp dầu khí nói chung trong thời gian tới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu: những nghiên cứu trong luận văn này là tìm ra những hướng phát triển mới cho ả gành Dầu khí trong bối cảnh Việt ả am đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.
- ả hiệmvụ nghiên cứu:
 - Hệ thống hóa các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ả gành Dầu khí.
 - Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực trong việc phát triển công nghiệp dầu khí.
 - Phân tích thực trạng và chỉ ra những thành tựu cũng như hạn chế trong quá trình phát triển ả gành Dầu khí Việt ả am trong thời gian qua.
 - Đề xuất các giải pháp phát triển ả gành công nghiệp dầu khí phù hợp với điều kiện thực tế của Việt ả am hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác; chế biến dầu khí của các doanh nghiệp trong nước thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt ắ am (PVắ) dưới góc độ kinh tế chính trị.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - Thời gian: ắ ghiên cứu thực trạng phát triển các hoạt động trong ngành dầu khí từ năm 2000 đến nay và đề xuất giải pháp các giải pháp phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt ắ am trong những năm tới.
 - Phạm vi không gian: Cả trong và ngoài nước.

5. Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. ắ hững phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp phân tích, thống kê, tổng hợp, so sánh và dự báo
- ắ ghiên cứu tài liệu trên cơ sở nguồn tài liệu thứ cấp là sách, báo, tạp chí và websites chuyên ngành dầu khí ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các nguồn tài liệu của Bộ Công Thương (Vụ Kế hoạch, Vụ ắ ắ ng lượng, Vụ Xuất nhập khẩu), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt ắ am (Ban Kế hoạch đầu tư, Ban Thăm dò khai thác, Ban Phát triển thị trường, Ban Khí Điện, Ban Chế biến dầu khí) về các chính sách, Quyết định, đề án nghiên cứu khoa học...

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn:

- Từ việc nghiên cứu tình hình phát triển công nghiệp dầu khí của một số nước, rút ra kinh nghiệm cho Việt ắ am.
- Làm rõ thực trạng phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt ắ am; chỉ ra được những thành tựu và hạn chế trong quá trình phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt ắ am.
- Đưa ra các phương hướng, chính sách và đề xuất các giải pháp phát triển ắ gành dầu khí phù hợp với điều kiện thực tế của Việt ắ am hiện nay.

7. Bố cục của luận văn: ắ goài phần Mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 3 chương, bao gồm:

Chương 1: Phát triển Công nghiệp Dầu khí: cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế

Chương 2: Thực trạng phát triển ắ gành công nghiệp Dầu khí Việt ắ am

Chương 3: Các quan điểm và các giải pháp chủ yếu phát triển ắ gành công nghiệp Dầu khí Việt ắ am

Chương 1

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

1.1. Khái luận về phát triển công nghiệp dầu khí

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Theo Luật Dầu khí Việt ả am (1993) “**Dầu khí**” là dầu thô, khí thiên nhiên và hydrocarbon ở thể khí, lỏng hoặc rắn trong trạng thái tự nhiên nhưng không kể than, đá phiến sét, bitum hoặc các khoáng sản khác có thể chiết xuất được dầu. “**Hoạt động dầu khí**” là hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí, kể cả các hoạt động phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này. Có nhiều cách chia hoạt động dầu khí ra thành các lĩnh vực khác nhau. Ở đây, hoạt động dầu khí được chia thành ba lĩnh vực hoạt động chính:

(1) Hoạt động tìm kiếm - thăm dò - khai thác (còn gọi là lĩnh vực thượng nguồn, hoặc khâu đầu, hoặc Upstream) được tính từ khi bắt đầu các hoạt động khảo sát địa vật lý, xử lý tài liệu địa chấn, khoan thăm dò v.v... cho tới khi đưa dầu hoặc khí lên tới miệng giếng.

(2) Hoạt động vận chuyển - Tàng trữ dầu khí (còn gọi là lĩnh vực trung nguồn, hoặc khâu giữa, hoặc Midstream) là khâu nối liền khai thác với chế biến và tiêu thụ. Quá trình phát triển của nó gắn liền với quá trình khai thác dầu khí, bao gồm các kho chứa, các hệ thống vận chuyển bằng đường ống và tàu dầu.

(3) Các hoạt động thuộc lĩnh vực chế biến dầu khí, kinh doanh phân phối sản phẩm v.v... (còn gọi là lĩnh vực hạ nguồn, hoặc khâu sau, hoặc Downstream): bao gồm các hoạt động lọc, hoá dầu, chế biến dầu và khí. ả ó được tính từ khi nhận dầu (hay khí) từ nơi xuất của khu khai thác đến quá trình lọc, chế biến, hoá dầu và kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu, khí đó. Trên thế giới, mỗi công đoạn có sức hấp dẫn riêng của nó và có quan hệ phụ thuộc hoặc quyết định chi phối lẫn nhau.

1.1.2. Đặc trưng chung của ngành công nghiệp Dầu khí

Qua quá trình hoạt động và phát triển của ngành công nghiệp dầu khí, đứng trên góc độ của nhà đầu tư, có thể rút ra các đặc trưng chính của ngành công nghiệp dầu khí như sau:

Chịu nhiều rủi ro: Hoạt động dầu khí liên quan tới tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên dưới lòng đất nên không thể khẳng định một cách chắc chắn kết quả của quá trình đầu tư. Đôi khi có thể đầu tư lớn nhưng không thu được hoặc thu không đủ vốn đầu tư. ả hững rủi ro đó không chỉ tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên (địa chất) mà cả điều kiện về kinh tế, chính trị.

Ứng dụng công nghệ cao và cần lượng vốn đầu tư lớn: Do điều kiện khai thác dầu khí tại những vùng nước sâu, xa bờ, điều kiện địa chất thủy văn phức tạp nên đòi hỏi lĩnh vực này phải ứng dụng hầu như tất cả những công nghệ tiên tiến nhất đã được phát minh trên thế giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Để ứng

dụng được những công nghệ cao thì cần phải có một lượng vốn đầu tư khá lớn. Do vậy, mọi nhà đầu tư vào lĩnh vực dầu khí đều phải tính đến khả năng sử dụng lượng vốn lớn và ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện có.

Mang tính quốc tế: Do chịu nhiều rủi ro và sử dụng vốn đầu tư lớn cho nên hợp tác quốc tế trở thành một đặc thù mang tính phổ biến của ngành Dầu khí. Rất khó có thể tìm thấy một công ty hay quốc gia nào có hoạt động dầu khí lại không có hợp tác quốc tế. Hợp tác quốc tế nhằm mục đích san sẻ rủi ro và tạo ra một lượng vốn đầu tư đủ lớn cho hoạt động của mình.

Lĩnh vực đầu tư có khả năng đem lại siêu lợi nhuận: Khi các phát hiện dầu, khí có tính thương mại và đưa vào phát triển, khai thác thì sẽ thu được một khoản lợi nhuận lớn. Thông thường, nếu có phát hiện thương mại, chi phí cho một thùng dầu chỉ bằng khoảng 1/3 giá bán. Chẳng hạn, khu vực Trung Đông là khu vực có tiềm năng dầu khí lớn, chi phí sản xuất chỉ khoảng 1USD/thùng; trong khi đó giá bán có lúc đạt trên 30 USD/thùng. Có thể nói, nhờ đặc trưng rất hấp dẫn này mà các nhà đầu tư đã chấp nhận rủi ro để bỏ vốn đầu tư vào hoạt động dầu khí.

Công nghiệp dầu khí có tính lan tỏa cao: Sự phát triển của ngành công nghiệp dầu khí có tính lan tỏa cao và ảnh hưởng đến thị trường cũng như sự phát triển của các ngành khác. Sự gắn liền và nhạy cảm với thị trường được xem xét trên hai góc độ: Thị trường cho các sản phẩm thượng nguồn (dầu thô) là thị trường thế giới, việc mua bán, giá cả theo thị trường thế giới; ở nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ sản phẩm (dầu ra) của lĩnh vực hạ nguồn dầu khí rất nhạy cảm về thị trường. Do vậy, khi quyết định đầu tư cho một dự án dầu khí nói chung cần phải tính đến tính nhạy cảm của thị trường và hiệu quả kinh tế của dự án.

1.1.3. Vai trò của công nghiệp dầu khí

Dầu khí là nguồn năng lượng quan trọng trong quá khứ, hiện tại và tương lai của thế giới. Đối với những quốc gia có tiềm năng dầu khí, việc tìm kiếm thăm dò, khai thác, kinh doanh dầu khí trở thành một ngành công nghiệp mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân và mang lại lợi nhuận cao. Xuất phát từ nguồn thu nhập và lợi nhuận cao nên việc tích tụ tư bản từ dầu khí thường nhanh chóng và lớn. Vì vậy, dầu khí có ưu thế trong việc đóng góp vào ngân sách quốc gia và hỗ trợ cho các ngành khác phát triển. Ngoài ra, dầu khí còn là nguồn cung cấp năng lượng cho hoạt động an ninh, quốc phòng, một yếu tố không thể thiếu trong việc đảm bảo sự ổn định và phát triển của mỗi quốc gia.

Đối với nền kinh tế của Việt Nam, dầu khí có vai trò rất quan trọng trong quá trình Cải H-HĐH. Công nghiệp dầu khí là ngành kinh tế, kỹ thuật đa ngành và liên ngành, là khâu đầu cung cấp nguyên, nhiên vật liệu và các sản phẩm hóa dầu cho các ngành công nghiệp khác như điện lực, hóa chất, ... Hàng năm, ngành dầu khí đã có những đóng góp rất lớn (từ 25-30%) vào tổng thu ngân sách cả nước. Sự phát triển của ngành dầu khí ngoài việc mang lại hiệu quả kinh tế cao còn góp phần đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và thúc đẩy phát triển KT-XH của các địa phương.

1.1.4. Điều kiện và nội dung phát triển ngành công nghiệp dầu khí

a. Điều kiện phát triển công nghiệp dầu khí: Điều kiện để ngành công nghiệp dầu khí phát triển phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

- Tiềm năng dầu khí trong nước: ầu nguồn tài nguyên dầu khí trong nước có vai trò rất quan trọng, là điều kiện cần để phát triển ngành công nghiệp dầu khí.
- Hợp tác quốc tế: Cần coi hội nhập và hợp tác quốc tế là điều kiện và phương tiện để phát triển ngành Dầu khí cả ở trong và ngoài nước. Hội nhập không chỉ giúp ngành Dầu khí thu hút vốn và công nghệ đầu tư nước ngoài vào ngành Dầu khí trong nước, tạo ra thị trường để tiêu thụ sản phẩm của ầu ngành mà còn tạo điều kiện để Việt ầu am mở rộng đầu tư cho hoạt động dầu khí ra nước ngoài.
- Trình độ nguồn nhân lực (kỹ thuật và quản lý): Việc đào tạo để có nguồn nhân lực chất lượng cao rất quan trọng trong việc phát triển bất kỳ ngành công nghiệp nào, đặc biệt là ngành công nghiệp dầu khí do đòi hỏi luôn phải tiếp cận với những công nghệ kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới.
- Vốn đầu tư rất lớn để đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới để thăm dò, khai thác nguồn tài nguyên dưới lòng đất.
- Chính sách của ầu hà nước: Phát triển công nghiệp dầu khí liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên rất cần có sự hỗ trợ của ầu hà nước trong việc tạo lập những cơ chế chính sách đầu tư, hành lang pháp lý, v.v... phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp ầu hà nước và tư nhân đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng trong ngành dầu khí ...

b. Nội dung phát triển công nghiệp dầu khí

Dựa trên những điều kiện để phát triển ngành dầu khí, có thể nhận thấy rằng một quốc gia muốn phát triển ngành công nghiệp dầu khí trước hết phải dựa trên nguồn tài nguyên trong nước và đưa ra các chính sách phù hợp để khuyến khích sử dụng nguồn tài nguyên này phục vụ phát triển kinh tế trong nước. Để hiện thực hóa được mục tiêu này, các nội dung phát triển công nghiệp dầu khí cần xem xét theo hướng:

Một là, phát triển đồng bộ các hoạt động dầu khí trong nước nhằm đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và tăng nguồn thu cho ngân sách: từ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí đến công tác vận chuyển, chế biến và kinh doanh phân phối sản phẩm dầu khí.

Hai là, tích cực thu hút vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là đầu tư từ nước ngoài để tranh thủ nguồn vốn cũng như chất xám về công nghệ cũng như kinh nghiệm quản lý, vận hành và coi đây là một yếu tố quan trọng để phát triển nhanh công nghiệp dầu khí.

Ba là, xây dựng kết cấu hạ tầng: Việc phát triển ngành dầu khí đòi hỏi phải có một cơ sở hạ tầng đầy đủ, đồng bộ. Tính đồng bộ trong xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công nghiệp dầu khí thể hiện từ khâu khai thác đến vận chuyển và phân phối đến các hộ tiêu thụ dầu khí trên đất liền: khai thác phát triển mỏ đưa dầu

thô và khí đốt vào bờ phải được vận chuyển qua đường ống dẫn chuyên dụng dầu khí đến tận các hộ tiêu thụ. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng trong ngành dầu khí liên quan đến việc tạo điều kiện và ưu tiên quỹ đất quy hoạch, các vị trí thuận lợi cảng nước sâu để xây dựng các nhà máy lọc hóa dầu, hệ thống đường ống dẫn khí và sản phẩm dầu, hệ thống kho cảng xăng dầu, căn cứ dịch vụ hậu cần cho ngành dầu khí nhằm phát huy tối đa lợi thế về địa lý của từng quốc gia để phát triển công nghiệp dầu khí nói riêng và phát triển kinh tế nói chung trong xu thế hội nhập quốc tế và khu vực.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực: xây dựng lực lượng cán bộ, công nhân dầu khí mạnh cả về chất và lượng để có thể tự điều hành được các hoạt động dầu khí cả ở trong nước và ở nước ngoài. Để ngày càng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong ngành dầu khí thì cần thiết phải xây dựng và ban hành chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đặc thù để áp dụng trong các lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trong nước và đầu tư ở nước ngoài nhằm thu hút các chuyên gia giỏi làm việc trong lĩnh vực thượng nguồn nhằm giảm thiểu các rủi ro về đầu tư trong lĩnh vực này.

Năm là, có chính sách điều tiết, hỗ trợ của ả hà nước: ả hà nước cần phải có sự điều tiết kinh tế biệt lập về mặt chức năng và về mặt thể chế để chuyển đổi một cách có trật tự hướng tới một ngành dầu khí dựa vào thị trường. Đối với ngành dầu khí, thu hút đầu tư nước ngoài sẽ đòi hỏi phải tạo ra được một môi trường kinh doanh thuận lợi, bao gồm cả khuôn khổ pháp lý có tính hỗ trợ. Thêm vào đó, ả hà nước cũng cần phải có một khung pháp lý, chính sách điều tiết, hỗ trợ hợp lý để đẩy mạnh thu hút đầu tư, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế thúc đẩy ngành công nghiệp dầu khí phát triển.

1.2. Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực về phát triển Ngành công nghiệp Dầu khí

Qua việc nghiên cứu tình hình phát triển công nghiệp dầu khí ở Malaysia, ả hạt Bản và Trung Quốc có thể rút ra một số kinh nghiệm phát triển công nghiệp dầu khí của Việt nam:

Một là, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư dầu khí trong nước đồng thời tích cực đầu tư ra nước ngoài nhằm gia tăng trữ lượng dầu khí, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Malaysia là nước có nhiều điều kiện về tài nguyên dầu khí gần giống với Việt ả am. Với những chính sách phát triển dầu khí hợp lý, đặc biệt là các chính sách khuyến khích đầu tư tìm kiếm dầu khí ở nước ngoài (hiện đang chiếm trên 1/3 doanh thu của ngành dầu khí Malaysia) đã giúp Malaysia hiện nay là quốc gia có nền công nghiệp dầu khí phát triển nhanh, hiệu quả mà Việt nam rất cần phải học hỏi.

Hai là, có chính sách phát triển công nghiệp lọc hóa dầu hợp lý. Việc phát triển công nghiệp lọc hóa dầu trong nước không những sẽ sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên dầu thô của Việt ả am, mà còn đáp ứng nhu cầu về các sản phẩm dầu khí trong nước hiện đang chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài. ả hạt Bản là nước có rất ít tài nguyên dầu khí nhưng với chính sách phát triển công nghiệp lọc hóa

dầu và tăng cường khả năng dự trữ dầu mỏ đã khiến Ả Rập trở thành một quốc gia có nền công nghiệp dầu khí phát triển.

Ba là, cải cách luật pháp và mở cửa lĩnh vực dầu khí, tăng cường hội nhập. Trung Quốc là một nước lớn, có nền kinh tế chuyển đổi và có phong tục, tập quán rất gần với nước ta vì vậy các chính sách của Trung Quốc về hội nhập rất cần cho Việt Á am tham khảo.

Ả goài ra, hầu hết tại các quốc gia có nền công nghiệp dầu khí phát triển thì vấn đề bảo vệ môi trường luôn được quan tâm. Việc hoàn thiện các công cụ quản lý môi trường, đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên trong ngành dầu khí nói riêng và cho đông đảo người dân địa phương, nơi có các các đề án dầu khí nói chung cũng như tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường là yếu tố thiết yếu của công tác bảo vệ môi trường trong công nghiệp dầu khí.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành công nghiệp Dầu khí của Việt Nam

2.1.1. Các nhân tố trong nước

- Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý: Việt nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, trong đó dầu khí là một nguồn năng lượng quý giá được khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Ả goài ra, vị trí địa lý ở mũi đầu của khu vực Đông Ả am Á, đồng thời có bờ biển trải dài, có nhiều cảng biển là điều kiện thuận lợi để VẢ phát triển các ngành công nghiệp, giao thông vận tải ... trong đó các hoạt động buôn bán, vận chuyển dầu khí phát triển mạnh.
- Tăng trưởng kinh tế, dân số: Việt Ả am có nền kinh tế đang phát triển, an ninh chính trị khá ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP mấy năm gần đây và dự báo trong tương lai tới (sẽ đạt mức cao (~ 8%/năm). Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch khá tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hệ thống tài chính - tiền tệ đã có nhiều nỗ lực cải cách và có tiến bộ trên nhiều mặt. Về dân số dự báo đến năm 2010, quy mô dân số Việt Ả am khoảng 95 triệu dân. Đây sẽ là một nhân tố kéo theo nhu cầu năng lượng nói chung và nhu cầu xăng dầu trên cả nước tăng nhanh. Về con người Việt nam có trí tuệ, tính sáng tạo cao, kỹ thuật khéo léo.
- Chính sách của nhà nước: Với chính sách mở cửa và cải cách kinh tế, hội nhập thế giới, nền kinh tế Việt nam đã phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số nhược điểm: thủ tục hành chính còn cồng kềnh và sơ hở;

tính thiếu chuyên nghiệp của bộ máy, mức độ quan liêu; tình trạng tham ô, lãng phí trong chi tiêu và đầu tư từ ngân sách nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

- Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài: Chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phát triển dầu khí, thu hút đầu tư từ nước ngoài là một động lực quan trọng góp phần vào sự phát triển của ngành dầu khí phát triển đều trên mọi lĩnh vực từ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển đến chế biến dầu khí.

2.1.2. Các nhân tố ngoài nước

- Tác động của buôn bán dầu khí khu vực và thế giới tới Việt Nam: ầu cầu về dầu khí ngày càng lớn để đáp ứng cho sự phát triển của các quốc gia đã thúc đẩy hoạt động buôn bán dầu khí ở khu vực và thế giới ngày càng sôi động. ầu ầu trong khu vực phát triển “nóng” về kinh tế và “khát” về năng lượng, Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng như thiếu nguồn cung cấp khí các quốc gia lớn như Trung Quốc, Indonesia mua dầu. Do vậy cần có các chính sách hợp lý để có thể liên kết với thị trường thế giới, đồng thời củng cố an ninh năng lượng trong nước tạo sự phát triển lâu dài.
- Tác động của các yếu tố chính trị khu vực và thế giới: Chính sách của một số quốc gia sản xuất hoặc tiêu thụ một sản lượng lớn dầu thô có thể làm ảnh hưởng tới giá dầu thô trên thị trường thế giới. ầu hạn thức được tầm quan trọng của loại năng lượng này, người ta sử dụng nó như một công cụ phục vụ cho mục tiêu chính trị. Các nước, đặc biệt là nước lớn luôn đề ra các chính sách nhằm phục vụ cho lợi ích của chính họ. Động thái của các nước này như: thay đổi mức dự trữ dầu quốc gia, thái độ chính trị đối với nước cung cấp một lượng dầu thô lớn cho thế giới v.v... có thể làm thay đổi giá dầu thô. Bên cạnh những yếu tố chính trị truyền thống, như chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố đang nổi lên như một yếu tố có ảnh hưởng nhanh và mạnh tới giá dầu. Không nằm ngoài xu thế của thế giới, Việt Nam chịu tác động về chính trị và khủng hoảng của nền kinh tế thế giới, do vậy ngành dầu khí cần có quy hoạch phát triển hợp lý nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của nền kinh tế thế giới.
- Chính sách năng lượng của các nước trong khu vực và thế giới: Trong vài năm trở lại đây, thị trường dầu mỏ đã trải qua nhiều biến động, nhu cầu dầu tăng cao tại các nước châu Á và châu Mỹ. Cùng với đó là hàng loạt những căng thẳng địa chính trị như cuộc chiến tranh chống Iraq của Mỹ, khủng hoảng hạt nhân ở Iran, ... Tất cả những yếu tố trên kết hợp lại khiến giá dầu liên tục tăng cao, có lúc lên tới gần 100 USD/thùng, đe dọa tới sự phát triển nền kinh tế thế giới. Trước tình hình đó, tất cả các quốc gia và các tổ chức dầu khí buộc phải có những chính sách dầu mỏ phù hợp nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển.
- Chính sách dầu khí của các nước OPEC: Từ thời điểm thành lập đến nay, tổ chức các nước xuất khẩu dầu OPEC luôn giữ vai trò tiên phong trong các chương trình hành động nhằm bình ổn thị trường dầu mỏ. Chính sách bình ổn thị trường dầu mỏ của OPEC được xây dựng dựa trên nhận thức rằng giá dầu

quá cao hoặc quá thấp sẽ hủy hoại cả các nước khai thác dầu và các nước tiêu thụ dầu. Giá dầu quá cao có thể tác động tới triển vọng tăng trưởng kinh tế đặc biệt là của các nước đang phát triển do đó sẽ kìm hãm mức tăng trưởng về cầu đối với dầu mỏ. Ngược lại nếu giá dầu quá thấp sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực tới tham vọng phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội của các nước OPEC.

2.2. Lịch sử hình thành ngành công nghiệp Dầu khí Việt Nam

Các hoạt động Dầu khí của Việt Nam thực chất bắt đầu từ những năm 60 của thế kỷ 20 nhưng cho tới những năm 90 vẫn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thượng nguồn tức là trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. Song song hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác, lĩnh vực công nghiệp khí cũng đã được tích cực triển khai. Năm 1976, ngành Dầu khí đã phát hiện nguồn khí thiên nhiên đầu tiên tại giếng khoan số 61 ở Vùng Trũng Sông Hồng. 5 năm sau, vào tháng 6 năm 1981, dòng khí công nghiệp ở mỏ khí Tiền Hải đã được khai thác để đưa vào phục vụ sản xuất; và 10 năm sau ngày thành lập, ngày 26/6/1986, Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt – Xô đã khai thác tấn dầu đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ, ghi nhận một mốc dấu quan trọng – Việt Nam đã có tên trong danh sách các nước khai thác và xuất khẩu dầu thô thế giới, khẳng định một tương lai phát triển đầy hứa hẹn của cho ngành công nghiệp dầu khí đất nước.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, với tiền thân là Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1975), Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (1990) và nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) được Thủ tướng thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006, hoạt động đa ngành trong lĩnh vực dầu khí ở trong nước và ở nước ngoài. Hoà nhịp với xu thế của thời đại, trong giai đoạn này, PVN cũng như nhiều doanh nghiệp lớn khác phải nhanh chóng thích nghi với cơ chế thị trường mở và sự cạnh tranh khốc liệt. Hoạt động dầu khí được trải dài từ khâu đầu, khâu giữa và khâu cuối, do đó hàng loạt các sản phẩm mới được đưa ra thị trường trong và ngoài nước.

Năm 2007, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam chính thức ra mắt và bắt đầu triển khai hoạt động theo cơ chế vận hành mới “Công ty mẹ - Công ty con”, bao gồm 50 đơn vị thành viên và các công ty liên doanh với lực lượng lao động hơn 25.000 người; hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác không chỉ ở trong nước mà còn ở cả nước ngoài. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu dầu lớn thứ 3 trong khu vực. Trong tương lai, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.3. Hiện trạng phát triển các hoạt động trong ngành dầu khí

2.3.1. Hiện trạng phát triển các hoạt động dầu khí trong nước

a/ Nguồn tài nguyên dầu khí của Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng dầu khí, với diện tích thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế gần 1 triệu km² bao gồm 8 bể trầm tích Đệ tam: Sông

Hồng, Phú Khánh, Cửu Long, ả am Côn Sơn, Malay - Thổ Chu, Tư Chính - Vũng Mây, nhóm bể Trường Sa và Hoàng Sa. Do đặc điểm hình thành và phát triển riêng của từng bể trầm tích nên chúng có đặc điểm cấu trúc, địa tầng trầm tích cũng như các điều kiện về hệ thống dầu khí khác nhau, do vậy tiềm năng dầu khí của mỗi bể có khác nhau. Tổng tiềm năng dầu và khí của Việt ả am khoảng 3,8-4,2 tỷ TOE, trong đó trữ lượng dầu và khí đã phát hiện khoảng 1,05-1,4 tỷ TOE (trữ lượng khí chiếm tới trên 60%).

Công tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí luôn được Đảng và ả hà nước quan tâm, đầu tư và được coi là một trong các hoạt động quan trọng nhất của PV ả . ả ền công nghiệp dầu khí đã hình thành và phát triển nhanh với sự tham gia của các công ty dầu khí quốc tế. Tính quốc tế cao là thách thức song cũng là cơ hội để PV ả hội nhập quốc tế, tiếp cận với các tiến bộ KHC ả cũng như kêu gọi đầu tư nước ngoài.

b/ Công tác tìm kiếm – thăm dò – khai thác dầu khí trong nước

Hoạt động tìm kiếm thăm dò (TKTD) dầu khí ở Việt ả am đã được bắt đầu triển khai ở miền vông Hà ả ội và trũng An Châu từ những năm 60 của thế kỷ trước với sự giúp đỡ của Liên Xô cũ. ả ăm 1975, mỏ khí Tiền Hải "C" đã được phát hiện ở miền vông Hà ả ội và đưa vào khai thác từ năm 1981 cho đến nay. Một bước ngoặt quan trọng của ả ngành Dầu khí Việt ả am là sự ra đời của Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro năm 1981 và đến năm 1986 dòng dầu công nghiệp đầu tiên đã được phát hiện ở mỏ Bạch Hổ.

Qua hơn 40 năm hoạt động TKTD trên lãnh thổ và thềm lục địa Việt ả am, ả ngành Dầu khí và các công ty dầu khí nước ngoài đã tiến hành khảo sát gần 300.000 km tuyến địa chấn 2D, khoảng 30.000 km² địa chấn 3D, khoan trên 600 giếng khoan thăm dò, thăm lượng và khai thác với tổng chi phí trên 7 tỷ USD. Đã phát hiện trên 70 mỏ/phát hiện trong đó 10 mỏ đang khai thác. ả hiệu phát hiện dầu khí khác (ở các bể Sông Hồng, Cửu Long, ả am Côn Sơn, Malay - Thổ Chu) đã và đang được thăm lượng và phát triển.

Ở trong nước, đến nay, 50 hợp đồng dầu khí PSC, JOC và BCC đã được ký kết, trong đó 27 hợp đồng đang hoạt động. Tổng số vốn đầu tư TKTD cho đến nay đạt gần 7 tỷ USD, trong đó sự tham gia góp vốn, vai trò điều hành của PV ả giữ một vị trí đáng kể và ngày một tăng (PV ả có phần trăm tham gia trong 24 hợp đồng dầu khí, trong đó 5 hợp đồng có vốn chiếm tới 50%). ả hiệu kỹ thuật và công nghệ mới tiên tiến được áp dụng đã đem lại thành quả to lớn trong công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.

Bảng 1: Sản lượng khai thác Dầu khí qua các năm

ả ăm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Dầu (Triệu tấn)	15,84	17,01	17,09	17,62	20,40	18,80	17,40	16,00
Khí (Tỷ m ³)	1,59	1,72	2,17	3,05	6,33	6,89	7,00	6,00

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - 2008

c/ Cơ sở hạ tầng trong ngành dầu khí

Kế hoạch đầu tư các Nhà máy lọc hóa dầu: Đến nay, nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt ả am (ả MLD Dung Quất, công suất lọc 6,5 triệu tấn dầu thô/năm. Sản phẩm của ả hà máy bao gồm: LPG, xăng không chì, dầu hoả, nhiên liệu phản lực, diezen (DO), nhiên liệu đốt lò (FO) và propylene với chất lượng đạt tiêu chuẩn Việt ả am và khu vực) đang trong giai đoạn xây dựng, chuẩn bị đưa vào vận hành từ quý I năm 2009. Hiện nay, Tập đoàn Dầu khí Vả đang có kế hoạch đầu tư thêm 2 ả MLD tại ả ghi Sơn (Thanh Hóa) và Long Sơn (Bà Rịa-Vũng tàu), công suất lọc 10 triệu tấn dầu thô/năm/nhà máy, dự kiến 2 nhà máy này sẽ hoàn thành và đưa vào vận hành trước năm 2015. ả goài ra, một số dự án đầu tư nhà máy lọc dầu khác do nước ngoài đầu tư được Chính phủ đồng ý về chủ trương như: ả MLD Cần Thơ, ả MLD Vũng Rô, ả MLD Petrolimex,... hiện cũng đang trình báo cáo đầu tư chờ phê duyệt.

Hiện trạng xây dựng các nhà máy điện ảm sử dụng khí: Khí thiên nhiên có vai trò ngày càng quan trọng trong cân cân năng lượng quốc gia, đã và sẽ đóng vai trò tích cực trong việc giải quyết nhu cầu năng lượng trong các ngành công nghiệp, thương mại, dân sinh... Với các lợi thế là nhiên liệu sạch ít gây ô nhiễm môi trường so với các loại nhiên liệu cổ truyền khác, giá thành rẻ, khí thiên nhiên ngày càng được sử dụng rộng rãi. Đến nay, các nhà máy điện sử dụng turbin khí gồm: ả MĐ Bà Rịa (370MW); cụm các ả MĐ Phú Mỹ (tổng công suất gần 4000 MW), 2 ả MĐ Cà mau (1500MW). ả goài ra còn có nhà máy ảm Phú Mỹ (CS 800.000 tấn/năm) và một số công ty sản xuất gốm sứ cao cấp tại Vũng tàu và Đồng nai sử dụng khí tự nhiên làm nhiên liệu đầu vào. Trong tương lai, phát triển công nghiệp khí không những góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của từng vùng và cả nước mà nó còn là động lực khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào ngành dầu khí.

Hiện trạng các hoạt động tàng trữ và vận chuyển dầu khí: Về Dầu thô, hiện tại Việt ả am chưa có kho dự trữ dầu thô. Dầu thô trong nước sau khi khai thác được tàng trữ lên các tàu lớn và xuất khẩu ra nước ngoài. Hiện nay, Xả LD Dầu khí Vietsovpetro có 4 tàu chứa dầu với tổng sức chứa 617.000 tấn, phục vụ cho dự trữ dầu thô thương mại để xuất khẩu. Về đường ống vận chuyển khí, cho đến nay, tại Việt ả am đã và đang vận hành 4 hệ thống đường ống vận chuyển khí để cung cấp cho các hộ tiêu thụ là các ả hà máy điện, nhà máy ảm và một số hộ công nghiệp có nhu cầu chuyển đổi sang sử dụng khí làm nhiên liệu thay cho các loại nhiên liệu truyền thống: Đường ống Tiền Hải C, công suất 35 tr.m³/năm (1981), Hệ thống đường ống khí Bạch Hồ 2 tỷ m³/năm (1995), Đường ống ả CS 5 tỷ m³/năm (2003), Đường ống khí Tháp áp 1 tỷ m³/năm (2003). ả goài ra, trong thời gian tới còn có một số hệ thống đường ống khí chuẩn bị đưa vào vận hành như: Hệ thống đường ống dẫn khí PM3-Cà mau (Khu vực Tây ả am bộ); Hệ thống đường ống dẫn khí Phú Mỹ - thành phố Hồ Chí Minh; Hệ thống Đường ống Lô B - Ô Môn (Khu vực Tây ả am bộ).

d/ Các hoạt động kinh doanh dịch vụ dầu khí:

Tập đoàn dầu khí V& đã tự đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành dầu khí như: tàu dịch vụ, dịch vụ xây lắp dầu khí, dịch vụ thăm dò khai thác dầu khí, dịch vụ khảo sát, dịch vụ hậu cần; dịch vụ phân tích mẫu, ... ả ngoài ra, Tập đoàn cũng đã mở rộng các loại hình dịch vụ như: dịch vụ tài đề chính, dịch vụ bảo hiểm, ... Có nhiều loại hình dịch vụ là thế mạnh của ả ngành như dịch vụ căn cứ, dịch vụ tàu thuyền, phân tích mẫu, địa chấn, địa vật lý giếng khoan, bảo hiểm, tài chính v.v.

e/ Cung cầu dầu khí của Việt Nam:

Dầu thô: Dầu thô trong nước sau khi khai thác được tàng trữ lên các tàu lớn và hoàn toàn để xuất khẩu. Tuy nhiên từ năm 2009 lượng dầu thô khai thác trong nước một phần sẽ được cung cấp cho ả hà máy lọc dầu Dung Quất, lượng còn lại sẽ xuất khẩu. Khí tự nhiên: Do trữ lượng và thành phần khí phát hiện tại các bể có sự khác biệt nên thị trường tiêu thụ khí nội địa cũng phát triển không đồng đều giữa các vùng miền trong cả nước: Đông ả am Bộ hiện tiêu thụ đến 97,4% lượng khí, còn lại là Bắc Bộ chiếm 2% và Tây ả am Bộ là 0,6%.

2.3.2. Công tác đầu tư phát triển các hoạt động dầu khí ra nước ngoài

ả ngoài các hoạt động TK-TD-KT ở trong nước PV& đã có những bước đi ban đầu trong việc đầu tư TK-TD-KT dầu khí ở nước ngoài. Trong thời gian qua Tập đoàn Dầu khí Việt ả am đã tiến hành nghiên cứu tài liệu và đánh giá tìm kiếm cơ hội đầu tư ở các nước khác nhau thuộc các khu vực Đông ả am Á, Trung Đông, Bắc Phi, ả ga và Trung Mỹ. Trong giai đoạn 2000-2007, mặc dù gặp phải nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực phấn đấu PV& đã và đang triển khai 9 dự án đầu tư ra nước ngoài tại các nước: Algieria (1 dự án), Malaysia (2 dự án), Indonesia (1 dự án), Iraq (1 dự án), Madagasca (1 dự án), Vezeznuera (1 dự án), Mông Cổ (1 dự án).

Hiện nay mới chỉ có 1 hợp đồng PM 304 (Malaysia) đã bước vào giai đoạn phát triển khai thác và đã có dòng dầu đầu tiên từ mỏ Cendor từ tháng 9/2006. Các dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ đề ra và theo đúng quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư. Vốn đầu tư cho các hoạt động dầu khí ở nước ngoài Tập đoàn đã góp vốn để cùng với các đối tác triển khai các dự án là khoảng 65 triệu USD. ả ngoài việc chú trọng đầu tư cho các dự án thăm dò khai thác dầu khí ở nước ngoài, Tập đoàn còn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực khác như: thủy điện, dịch vụ dầu khí (khoan), dịch vụ bảo hiểm ở nước ngoài. **Tóm lại**, sau nhiều năm phát triển, ả ngành công nghiệp khí Việt ả am đã xây dựng được một nền tảng cơ sở hạ tầng hiện đại, nguồn nhân lực có trình độ và kinh nghiệm để tiếp cận với những công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí của đất nước và bước đầu thu được hiệu quả trong công tác đầu tư dầu khí ra nước ngoài.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Đánh giá tổng hợp hiện trạng

Thành công: Công tác tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí đã phát triển và đạt được kết quả khả quan ngang tầm khu vực. Sản lượng khai thác tăng từ 1

triệu tấn năm 1996 lên 24 triệu tấn trong những năm gần đây; Đã hình thành cơ sở hạ tầng cho phát triển công nghiệp khí ở miền nam; Hệ thống kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường; Hoạt động dịch vụ dầu khí đã có bước phát triển rõ rệt và đã hình thành ngành dịch vụ dầu khí ở Việt Nam; Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học công nghệ và công nhân kỹ thuật trong ngành dầu khí phát triển nhanh chóng, thay thế được nhiều chức danh trong lĩnh vực TKTD và KT, công nghiệp khí và dịch vụ mà trước đây phải thuê chuyên gia nước ngoài thực hiện.

Tồn tại: Sự phát triển của ngành Dầu khí trong hơn 30 năm qua còn chậm và chưa đồng bộ: Mức độ gia tăng trữ lượng dầu khí chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; chưa khẳng định được tiềm năng dầu khí ở các bể trầm tích nước sâu từ 200m trở lên; công tác tự đầu tư và tự lực điều hành các dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong nước còn triển khai chậm; thu hút đầu tư nước ngoài vào tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí ở trong nước vẫn còn thấp so với nhu cầu; việc triển khai đầu tư tìm kiếm thăm dò dầu khí ra nước ngoài còn lúng túng; do vậy, kết quả đánh giá tổng thể tiềm năng dầu khí còn nhiều yếu tố giả định, chưa xác minh được đầy đủ tiềm năng dầu khí để làm cơ sở chắc chắn cho việc hoạch định chiến lược dài hạn; Sự tham gia của các thành phần kinh tế khác vào lĩnh vực dầu khí chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khả năng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập chưa cao.

Ả hưởng bài học kinh nghiệm: Khi triển khai các dự án lớn, dự án quốc gia (ví dụ như các công trình ả MLD) cần có sự hợp tác giữa các doanh nghiệp, các địa phương nơi triển khai các dự án, các định chế tài chính nhằm tập trung các nguồn lực để thực hiện dự án; Việc hình thành các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp bao gồm tư vấn đầu tư, thiết kế và xây dựng, quản lý dự án đáp ứng được nhu cầu phát triển của các công trình dầu khí đang là một yêu cầu hết sức cấp bách. Các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp sẽ giúp các cơ quan quản lý ả hà nước đề ra các chế độ, chính sách quản lý các công trình đặc thù dầu khí và sẽ giúp các doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư đảm bảo được mục tiêu, tiến độ và chất lượng của dự án; Việc xây dựng một đội ngũ quản lý dự án đủ năng lực để đáp ứng được công tác quản lý dự án có quy mô lớn là rất cấp thiết, do đó cần có cơ chế đặc biệt để có thể thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn cao, đồng thời có chính sách và kế hoạch chuẩn bị nhân lực tổng thể phù hợp với từng dự án bao gồm cả việc sử dụng cán bộ sau khi hoàn thành dự án; Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực là chính và các đơn vị là nhân tố quan trọng đảm bảo thành công của các doanh nghiệp; Sử dụng hợp lý nguồn vốn đào tạo, đặc biệt nguồn ngoại tệ, và có chương trình kế hoạch cụ thể là tạo điều kiện phát triển công tác đào tạo lâu dài và có chất lượng.

2.4.2. Phân tích, đánh giá thế mạnh/điểm yếu cũng như cơ hội/ thách thức trong việc phát triển ngành công nghiệp dầu khí VN trong thời gian tới

Để đánh giá mặt mạnh và yếu của PV ả, tôi sử dụng phương pháp phân tích SWOT để xem xét cụ thể đối với ngành Dầu khí. ả hội dung chính của phương pháp là xây dựng ma trận SWOT mà các phần tử của nó là: thế mạnh

(Strength), điểm yếu (Weakness), cơ hội (Opportunities) và thách thức (Threats) để chỉ ra những yếu tố nội tại và khách quan ảnh hưởng tới PV& khi hội nhập. Sự tác động lẫn nhau của các cơ hội và nguy cơ với những mặt mạnh, yếu của doanh nghiệp cho phép chúng ta xác định được vị thế chiến lược của doanh nghiệp, đồng thời có thể có được những ý tưởng chiến lược tốt để phát triển doanh nghiệp.

Bảng 2: Ma trận SWOT của PVN

DOANH NGHIỆP	<u>Điểm mạnh (S)</u> S ₁ . Có tiềm năng dầu khí lớn S ₂ . Trình độ lao động làm việc trong PV& cao S ₃ . Trình độ công nghệ thiết bị tự động hoá cao S ₄ . Quan hệ giữa PV& với các Công ty dầu khí quốc gia tốt S ₅ . Doanh thu từ hoạt động dầu khí tăng nhanh S ₆ . Quan hệ giữa PV& với các tổ chức tín dụng tốt	<u>Điểm yếu (W)</u> W ₁ . Vị trí các mỏ dầu khí ít thuận lợi W ₂ . ả ả lực quản lý còn nhiều hạn chế W ₃ . ả ả lực tài chính chưa đủ mạnh W ₄ . Chưa hình thành được đội ngũ khoa học công nghệ đủ mạnh W ₅ . Hoạt động Marketing chưa được quan tâm đầy đủ
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	<u>Cơ hội (O)</u> O ₁ . Tiềm năng thị trường sản phẩm lớn O ₂ . Chính trị, an ninh ổn định O ₃ . Được sự quan tâm sâu sắc của ả hà nước O ₄ . Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện O ₅ . Xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế O ₆ . Mở cửa thị trường	<u>S/O</u> + (S/O _{1,3,4,5}) + (S _{2,3,4,6} /O _{3,4,5,6})
		<u>O/W</u> + (O/W _{1,2,3}) + (O _{1,3,5,6} /W _{1,3}) + (O _{3,5,6} /W _{2,4,5})
	<u>Thách Thức (T)</u> T ₁ . Cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm quyết liệt hơn T ₂ . Tiềm năng dầu khí ngày càng khan hiếm T ₃ . Yêu cầu về chất lượng sản phẩm cao hơn T ₄ . Thủ tục hành chính còn nhiều hạn chế T ₅ . Xuất hiện các đối thủ cạnh tranh mới khi hội nhập T ₆ . Áp lực về ô nhiễm môi trường T ₇ . Chi phí cho cơ sở hạ tầng cao	<u>S/T</u> + (S _{2,3} /T ₂) + (S/T _{1,3,5,6})
		<u>W/T</u> + (W _{2,4,5} /T) + (W/T)

Đề xuất một số kết hợp chiến lược:

- $S/O_{1,3,4,5}$: Mở rộng đầu tư cho tất cả các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực hạ nguồn để đáp ứng nhu cầu sản phẩm lọc hoá dầu trong nước và xuất khẩu,
- $S_{2,3,4,6}/O_{3,4,5,6}$: Thúc đẩy hoạt động đầu tư tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí ra nước ngoài,
- $S_{2,3}/T_2$: Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò ở vùng có điều kiện khó khăn,
- $S/T_{1,3,5,6}$: ẩâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đầu tư cho công nghệ mới,
- $O_{1,3,5,6}/W_{1,3}$: Vay vốn để đầu tư phát triển lĩnh vực hạ nguồn,
- $O/W_{1,2,3}$: Thu hút mạnh đầu tư nước ngoài cho tất cả các lĩnh vực dầu khí,
- $O_{3,5,6}/W_{2,4,5}$: Đẩy mạnh công tác đào tạo, trình độ quản lý,
- $W_{2,4,5}/T$: Đầu tư hơn nữa cho nghiên cứu khoa học, hoạt động Marketing và công tác quản lý,
- W/T : Duy trì và thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các công ty dầu khí quốc gia.

Tóm lại: ẩ ngành Dầu khí được đánh giá là ngành có nhiều thuận lợi, khả năng cạnh tranh cao trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của Việt ẩ am. Tuy nhiên, để tận dụng tốt các cơ hội được tạo ra do hội nhập kinh tế thì PV ẩ vẫn cần phát huy hơn nữa các thế mạnh của mình đồng thời giảm thiểu các mặt còn yếu. Đầu tư hơn nữa cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao hơn nữa năng lực quản lý, chú trọng hoạt động Marketing, v.v... Có như thế PV ẩ sẽ vững bước trong tiến trình hội nhập của đất nước và trở thành một tập đoàn dầu khí mạnh trong khu vực những cơ hội và thách thức từ hội nhập có sự tác động qua lại lẫn nhau. Cơ hội của nước này lại chính là thách thức của nước khác và ngược lại. Điều quan trọng mang tính chất quyết định thành bại khi hội nhập là việc đánh giá đúng về mình và phải tự mình vươn lên. Hãy đứng bằng đôi chân của chính mình. Khi đó ngành dầu khí sẽ gạt bỏ cản trở và vững bước đi lên.

Chương 3

CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.1. Bối cảnh chung

Khuynh hướng phát triển thị trường dầu khí thế giới trong thời gian tới: Thị trường dầu khí thế giới trong những năm tiếp theo sẽ có rất nhiều biến động phức tạp. Do đó các quốc gia trong đó có Việt ẩ am cần phải có chiến lược dài hạn hợp lý để bảo đảm an ninh năng lượng cho quốc gia của mình.

Trữ lượng dầu khí Việt Nam trong khung cảnh dầu khí khu vực và thế giới: Trữ lượng dầu thô xác minh và sản lượng khai thác của Việt ẩ am chiếm tỷ trọng nhỏ so với thế giới nhưng rất đáng kể so với khu vực, tỷ lệ trữ lượng xác minh/sản lượng khai thác (xác định số năm còn có thể khai thác được trên tổng trữ lượng xác minh hiện có) của Việt ẩ am khoảng 22 năm so với thế giới là >40 năm. Điều này cho thấy công tác gia tăng trữ lượng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển ngành công nghiệp dầu khí của Việt nam.

Tổng hợp dự báo nhu cầu dầu khí toàn quốc: PV& đã đưa ra dự báo nhu cầu dầu khí cả nước đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 và đưa ra sơ bộ khái toán vốn đầu tư cũng như phương án huy động vốn phục vụ cho phát triển ngành công nghiệp dầu khí của Việt ả am trong giai đoạn tới.

Bảng 3: Tổng hợp dự báo nhu cầu dầu khí toàn quốc

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Giai đoạn		
			2007-2010	2011-2015	2016-2025
1	Dầu thô	Triệu tấn	14,5	108	325
2	Khí tự nhiên	Tỷ m3	38,4	64,6	114,6
3	SP xăng dầu	Triệu tấn	68,78	100,84	346,82

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - 2007

ả hư vậy, dựa trên những dự báo về nhu cầu tiêu thụ dầu khí của cả nước đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 sẽ là những căn cứ quan trọng để xác định mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành dầu khí Việt ả am trong thời gian tới để đảm bảo đáp ứng nhu cầu năng lượng của cả nước.

Năng lực cạnh tranh của PVN: PV& hoàn toàn có thể cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trong nước trong tất cả các lĩnh vực: các sản phẩm hữu hình và các hoạt động dịch vụ. So với các nước trong khu vực Đông ả am Á: Sự vượt trội hoặc thua kém trong năng lực cạnh tranh sản phẩm của PV& không nhiều. Đối thủ cạnh tranh đáng lưu ý nhất đối với V& nói chung và PV& nói riêng chính là Trung Quốc. Trung Quốc vừa là đối tác có thể mang lại nhiều lợi ích cho V& và PV& nhưng cũng đồng thời là đối thủ cạnh tranh lớn đối với PV& .

3.2. Các quan điểm phát triển Ngành công nghiệp Dầu khí VN

Dựa trên những nội dung đã nghiên cứu ở các chương trước, tôi xin mạnh dạn đề xuất một số quan điểm phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt ả am theo các nội dung sau:

❖ *Phát triển ngành dầu khí Việt Nam trên cơ sở khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên trong nước, vừa đáp ứng nhu cầu trước mắt của nền kinh tế vừa đảm bảo phát triển ổn định và lâu dài và đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế:*

Vì tiềm năng dầu khí trong nước không lớn nên cần thống nhất quan điểm không xem dầu khí là nguồn thu ngoại tệ để phát triển kinh tế quốc gia mà chỉ xem là nguồn đảm bảo nhu cầu xăng dầu trong nước. ả ếu thống nhất được quan điểm này thì sẽ không tìm mọi cách khai thác ồ ạt để bán mà là khai thác hợp lý trong một giai đoạn dài, ít nhất phải 30 - 40 năm để giảm thiểu nhu cầu nhập khẩu nhất là cho những năm sau 2020 vì lúc đó chắc chắn giá dầu sẽ rất cao do sản lượng thế giới không đủ đảm bảo nhu cầu trong lúc nguồn nhiên liệu thay thế chưa đóng vai trò chủ đạo trong năng lượng, đặc biệt là trong các loại hình giao thông vận tải.

Tiếp theo, kế hoạch phát triển mỏ và khai thác các mỏ phải được thiết lập một cách hợp lý, phù hợp với kế hoạch nhu cầu nhiên liệu của quốc gia, tránh tình trạng khi thì ồ ạt khi thì giảm sút, không những không đảm bảo tính hài hòa trong cung cầu mà còn gây ra những khó khăn nhiều mặt về quản lý, công nghệ, vốn đầu tư. Trong lĩnh vực trung nguồn, một giải pháp phải đặc biệt chú trọng là xây dựng cơ sở hạ tầng đầy đủ, hiện đại cho các hoạt động xử lý, vận chuyển, tàng trữ để giảm thiểu thất thoát cả về hiện vật lẫn giá trị của dầu khí. Đây chính là khâu có nhiều rủi ro về cháy nổ, tràn dầu, v.v... gây rất nhiều thiệt hại cho ngân sách và môi trường. Trong lĩnh vực hạ nguồn, nhất thiết phải có những giải pháp mạnh để đẩy nhanh công tác xây dựng, đưa vào vận hành các nhà máy lọc dầu, chế biến khí (tách LPG, tách condensat, nén khí, kể cả hóa lỏng khí hoặc chuyển đổi khí thành nhiên liệu lỏng (GTL). Các giải pháp cụ thể là tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài kết hợp với huy động vốn trong nước dưới hình thức cổ phần vì các nhà máy lọc dầu, chế biến khí tuy có vai trò quan trọng trong kinh tế - quốc phòng nhưng không nhất thiết phải là doanh nghiệp quốc doanh với vốn đầu tư 100% vốn ngân sách mà ả hà nước chỉ cần đóng vai trò cổ đông chi phối, thậm chí là cổ đông thiểu số. Tích cực đẩy nhanh tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ dầu khí. Tăng cường triển khai các dự án đóng mới giàn khoa, tàu dầu,... Chú trọng phát triển khoa học công nghệ, đầu tư trang thiết bị để nhanh chóng hiện đại hóa, xây dựng lực lượng quản lý mạnh cả về chất và lượng. PV ả cần phải bám sát kế hoạch để triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp nhằm góp phần tích cực và tăng trưởng của đất nước.

❖ *Phát triển công nghiệp dầu khí trên cơ sở kinh tế thị trường mở cửa, có sự điều tiết của Nhà nước*

Với đặc thù của ngành Dầu khí: Hoạt động dầu khí không bao giờ đứng riêng lẻ và độc lập trong phạm vi một quốc gia mà hợp tác quốc tế trở thành đặc trưng riêng có và không thể thiếu trong hoạt động dầu khí. Đặc trưng đó đúng không chỉ với V ả mà được thực hiện với mọi quốc gia có hoạt động dầu khí.

Đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài, V ả am luôn có chủ trương mở rộng và khuyến khích hợp tác đầu tư với nước ngoài để phát triển ngành công nghiệp khí ở V ả am. ả hư vậy, ngay từ đầu V ả am đã có chủ trương không bó gọn hoạt động dầu khí trong khuôn khổ quốc gia. Sự hội nhập đối với ngành dầu khí đã thực hiện ngay từ khi nó còn là xa lạ với các ngành kinh tế khác. Sự hợp tác và hội nhập này được thực hiện trong hầu hết các lĩnh vực của hoạt động dầu khí từ thượng nguồn đến trung nguồn và hạ nguồn. Đối với việc mở rộng đầu tư các hoạt động dầu khí ra nước ngoài: Ở trong nước, tiềm năng dầu khí của ta là có hạn, không phải là lớn so với các nước trong khu vực và không thể tái tạo. Do đó, việc đầu tư ra nước ngoài nhằm bổ sung trữ lượng để duy trì sản lượng dầu khí và sự phát triển bền vững của PV ả sau năm 2012 là hết sức cần thiết. Trong giai đoạn 2000-2007, Tập đoàn DKV ả luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Chính phủ,

đặc biệt là sự hỗ trợ của các Bộ, Ban ả ngành trung ương có liên quan trong việc triển khai các dự ản đầu tư dầu khí ra nước ngoài.

- ❖ *Phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường*: Công nghiệp dầu khí cũng như một số ngành mũi nhọn mang tính thời đại khác phải là trường học để thay đổi nếp sống, tư duy của xã hội nước ta vốn còn mang nhiều tập tính của xã hội nông nghiệp. Tác phong công nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường phải được coi là ưu tiên hàng đầu. Để bảo đảm cho ả ngành Dầu khí phát triển bền vững, góp phần tích cực bảo vệ môi trường sống (bao gồm cả môi trường địa chất, môi trường sinh học và môi trường văn hóa - xã hội) cần phải quan tâm đến những vấn đề về môi trường.

3.3. Đề xuất các giải pháp phát triển Ngành công nghiệp Dầu khí VN

3.3.1. Xây dựng chiến lược phát triển ngành

Để có những định hướng, giải pháp hiệu quả cho sự phát triển của ả ngành Dầu khí, phù hợp với năng lực của ả ngành, góp phần thúc đẩy sự nghiệp Cả H-HĐH đất nước, đảm bảo an ninh năng lượng, phù hợp với tiến trình hội nhập của đất nước, công tác dự báo và xây dựng quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dầu khí trên cơ sở xem xét, hiệu chỉnh lại các chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2010, mục tiêu phát triển đến năm 2015, 2025 là hết sức cần thiết. Việc tính toán, đưa ra những dự báo về khả năng khai thác dầu khí trong nước, dự báo nhu cầu dầu thô đáp ứng cho các ả hà máy lọc hóa dầu, dự báo nhu cầu tiêu thụ dầu khí trong thời gian tới sẽ là những căn cứ quan trọng để ả hà nước và Tập đoàn dầu khí đề ra chiến lược và chính sách cụ thể phát triển ngành dầu khí.

Xây dựng Quy hoạch phát triển ngành dầu khí Việt nam là bước tiếp theo của chiến lược để xác định rõ khả năng phát triển của từng lĩnh vực riêng cấu thành ả ngành công nghiệp dầu khí Việt ả am đến năm 2015 và định hướng khả năng phát triển đến năm 2025. Quy hoạch phải đảm bảo tính lâu dài như trong Chiến lược đề ra, vừa linh hoạt lại vừa có thể điều chỉnh thích ứng với những thay đổi không thể tránh khỏi của môi trường kinh doanh.

3.3.2. Tạo lập môi trường

Hành lang pháp lý: Đối với quản lý ả hà nước cần nghiên cứu hoàn thiện khung pháp lý nhằm đảm bảo cho các hoạt động dầu khí có điều kiện phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu ở cả trong và ngoài nước đối với tất cả các lĩnh vực thượng, trung và hạ nguồn. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các nhà đầu tư triển khai các hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác ở vùng nước sâu, xa bờ. ả ảng cao năng lực tổ chức, quản lý và đưa ra những các quyết định chính xác, kịp thời phù hợp với thực tế tạo ra môi trường pháp lý chặt chẽ và thông thoáng cho sản xuất, kinh doanh trong ả ngành dầu khí. Tổ chức chỉ đạo thực hiện cần nhanh nhậy nắm bắt kịp thời những vướng mắc và các rào cản về mặt chính sách, luật pháp để tháo gỡ, sửa chữa bổ sung. Không ngừng hoàn thiện chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí đầu

tư ra nước ngoài, vùng chồng lấn trong nước, đặc biệt là trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò... Đối với khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ, cần đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng khả năng cạnh tranh của ả gành Dầu khí. Đồng thời ả hà nước cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến kiến thức về môi trường đến mọi cán bộ công nhân viên. Khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước để bảo vệ môi trường.

Mở cửa hội nhập sâu rộng để thu hút đầu tư nước ngoài như ban hành các chính sách ưu đãi đối với vùng nước sâu xa bờ, các mỏ hiệu quả thấp, áp dụng các sắc thuế ưu đãi đủ hấp dẫn để kích thích đầu tư nước ngoài. Ban hành chính sách hỗ trợ về cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy chế biến Dầu khí, về thuế, chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực chế biến Dầu khí. Khuyến khích các nước có nguồn dầu thô xuất khẩu tham gia đầu tư xây dựng các nhà máy lọc và hóa dầu tại Việt ả am. Khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài hình thành và triển khai các dự án hợp tác sản xuất Lã G ở nước ngoài vận chuyển và phân phối tại Việt ả am. Tích cực đầu tư ra nước ngoài. Hiện nay, chính sách và cơ chế quản lý đối với hoạt động thăm dò khai thác dầu khí ở nước ngoài còn chưa đầy đủ và chưa phù hợp với thông lệ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí quốc tế. Chính phủ cần sớm ban hành các chính sách và cơ chế thống nhất thuận lợi để tạo điều kiện cho PetroVietnam triển khai đầu tư ra nước ngoài.

3.3.3. Các chính sách điều tiết, hỗ trợ của Nhà nước

Xây dựng kết cấu hạ tầng: Phát triển ả gành công nghiệp dầu khí là một lĩnh vực lớn, phức tạp do đó đòi hỏi ả hà nước và các Bộ ngành cần có sự quan tâm, hỗ trợ và có chính sách điều tiết kịp thời để tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp cận các nguồn tài chính một cách bình đẳng, nhanh chóng; được hỗ trợ về tài chính, thuế, đất đai và cơ sở hạ tầng. Chẳng hạn như: Về huy động vốn: ả hà nước áp dụng linh hoạt các chính sách huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước để đảm bảo vốn đầu tư thực hiện quy hoạch, kể cả hình thức thuê tài chính, vốn ứng trước đối với khách hàng.... Hàng năm ả hà nước cân đối từ ngân sách địa phương với tỷ lệ 0,5 - 1% từ tổng thu ngân sách để bổ sung nguồn kinh phí bảo vệ môi trường. Về tài chính: Tạo thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp cận các nguồn tài chính một cách bình đẳng, nhanh chóng. Có cơ chế hỗ trợ tích cực cho các hoạt động khoa học công nghệ, hình thành doanh nghiệp mới, tiếp cận thị trường... Về thuế: Từng địa phương cần công khai khung giá thuê đất cho từng khu vực tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn; phổ biến các biểu thuế theo lộ trình cam kết với WTO để doanh nghiệp chủ động các giải pháp thực hiện. Sử dụng công cụ thuế, lệ phí một cách linh hoạt, phù hợp với các cam kết quốc tế để khuyến khích cạnh tranh bình đẳng, đồng thời bảo hộ hợp lý một số sản phẩm dầu khí. Về đất đai và cơ sở hạ tầng: ả hà nước tạo điều kiện và ưu tiên quỹ đất quy hoạch, các vị trí thuận lợi cảng nước sâu để

xây dựng hệ thống CSHT trong ngành dầu khí. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung nghiên cứu để ban hành các quy định phù hợp và có liên quan đến công tác di dân và giải phóng mặt bằng nhằm hỗ trợ các chủ đầu tư triển khai đúng thời hạn và đúng tiến độ các dự án.

Phát triển nguồn nhân lực: Cần tập trung đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công nhân có kỹ thuật hiện có, đào tạo bổ sung cho những khâu còn thiếu. Thu hút các nhà khoa học, chuyên gia kỹ thuật, công nghệ, thợ có tay nghề cao, yên tâm công tác tại các cơ quan và doanh nghiệp dầu khí bằng việc ban hành chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác áp dụng cho các hoạt động tự lực tìm kiếm, thăm dò và khai thác Dầu khí của PV& ở trong nước và đầu tư ở nước ngoài. Đối với cán bộ quản lý ở nước ngoài năng lực chuyên môn cần được trang bị đầy đủ kiến thức quản lý ngành dầu khí trong xu thế hội nhập quốc tế có tính đặc thù cạnh tranh cao. Đối với đội ngũ quản lý doanh nghiệp cần được đào tạo qua các trường quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đối với các cán bộ trẻ có năng lực cần được gửi đi đào tạo tại các nước phát triển.

KẾT LUẬN

Dầu mỏ và khí thiên nhiên là tài nguyên quý hiếm, không tái tạo, là nguồn năng lượng và nguyên liệu quan trọng cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Sau hơn 30 năm xây dựng và phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam mà công tác thăm dò khai thác dầu khí là một trong các hoạt động quan trọng nhất đã có những bước tiến vượt bậc, nhất là từ khi Đảng và Nhà nước ta có chính sách mở cửa, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Nhà nước ban hành, Tập đoàn Dầu khí đã thu hút được hàng chục công ty dầu khí thế giới đầu tư vào thăm dò ở hầu hết các bể trầm tích Đệ tam có triển vọng dầu khí của Việt Nam với số vốn đầu tư cho thăm dò khai thác trên 7 tỷ USD, đã phát hiện nhiều mỏ dầu khí mới, sản lượng khai thác dầu khí tăng nhanh, đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế cuối thập niên 80 của thế kỷ 20, đóng góp một tỷ phần lớn cho GDP nước nhà và không ngừng tăng lên, đưa Việt Nam vào danh sách các nước sản xuất dầu khí trên thế giới và đứng thứ 3 ở Đông Nam Á về khai thác dầu thô.

Tuy nhiên, do độ rủi ro cao, nguồn vốn lớn trong tìm kiếm-thăm dò dầu khí mà nền kinh tế Việt Nam chưa đủ sức gánh chịu, còn phải dựa vào đầu tư nước ngoài nên mức độ thăm dò không đồng đều, mới chỉ tập trung chủ yếu ở vùng nước nông đến 200m với tổng diện tích các lô đã ký hợp đồng mới chiếm khoảng 1/3 diện tích thềm lục địa. Mặt khác, cần phối hợp với các nhà thầu nghiên cứu áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tăng khả năng thu hồi dầu tại các mỏ đang khai thác. Điều này có ý nghĩa kinh tế rất lớn trong tương lai khi mà các mỏ dầu khí khai thác ngày càng cạn kiệt và việc phát hiện các mỏ nhỏ ở thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế Việt

ảm ngày càng trở nên phổ biến. Vì vậy, trong thời gian tới để đảm bảo gia tăng trữ lượng, duy trì khai thác ổn định lâu dài đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế của đất nước luôn là thách thức lớn đối với ảm ngành Dầu khí Vả

Dựa trên việc nghiên cứu tổng kết được những thành tựu cũng như hạn chế của ảm ngành Dầu khí trong thời gian qua; ảm hận định các nhân tố đã và đang ảnh hưởng đến sự phát triển của ảm ngành Dầu khí Việt ảm và tham khảo kinh nghiệm của một số nước trong khu vực trong việc phát triển công nghiệp dầu khí, tôi đã mạnh dạn đề xuất quan điểm và các giải pháp phát triển ảm ngành công nghiệp dầu khí phù hợp với điều kiện thực tế của Việt ảm hiện nay. Các đề xuất đều hướng đến mục đích tìm ra những hướng phát triển mới cho ảm ngành Dầu khí trong điều kiện nguồn tài nguyên dầu khí trong nước và bối cảnh Việt ảm đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, trong đó tập trung vào: Phát triển ngành dầu khí Việt ảm trên cơ sở khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên trong nước, vừa đáp ứng nhu cầu trước mắt của nền kinh tế vừa đảm bảo phát triển ổn định và lâu dài và đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế; Phát triển công nghiệp dầu khí trên cơ sở kinh tế thị trường mở cửa, có sự điều tiết của ảm hà nước và phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường.

Đề xuất các giải pháp chủ yếu thực hiện như: Xây dựng chiến lược phát triển ngành; Tạo lập môi trường (Hành lang pháp lý, Mở cửa hội nhập sâu rộng thu hút đầu tư nước ngoài vào trong nước và tích cực đầu tư ra nước ngoài) và các chính sách điều tiết, hỗ trợ của ảm hà nước trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2006), “Chiến lược, chính sách năng lượng quốc gia”
2. Chu Văn Cấp (2003), “Ảnh hưởng của nền kinh tế nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế”, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Hoàng Thị Đào (2004), “Xây dựng chiến lược kinh doanh cho Tổng Công ty dầu khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2020” Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
4. Đỗ Văn Phúc (2003), “Khoa học Quản lý hoạt động kinh doanh”, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2002), Giáo trình Quản trị học. NXB Tài chính, Hà Nội.
6. Nguyễn Huy Tiên (2007), “Xây dựng chiến lược kinh doanh phân phối sản phẩm xăng dầu cho Tập đoàn dầu khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2025” Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
7. Lê Đức Sơn (2001), “Phân tích chiến lược kinh doanh: Lý thuyết và thực hành”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 1987, được sửa đổi vào các năm 1990, 1992, 1996,
9. Luật Dầu khí do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 1993, được sửa đổi lần 1 vào năm 2000,
10. Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí
11. Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 09 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành dầu khí đến năm 2015.
12. Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (1997), “Hội nghị Khoa học - ngành Dầu khí 20 năm xây dựng và tương lai phát triển”, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
13. Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (2000), “Hội nghị Khoa học Công nghệ 2000 – ngành dầu khí trước thềm thế kỷ 21”, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
14. Tập đoàn dầu khí Việt Nam (2007), “Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam”, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
15. Tập đoàn dầu khí Việt Nam (2007), “Hội nghị Khoa học Công nghệ - 30 năm Dầu khí Việt Nam – Cơ hội mới, thách thức mới” NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
16. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Báo cáo tổng kết hàng năm của PetroVietnam, từ năm 2000-2007
17. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tạp chí Dầu khí các số năm 2000 – 2008
18. Viện Dầu Khí Việt Nam (2005), Báo cáo “Việt Nam gia nhập AFTA và WTO, cơ hội và thách thức với Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
19. Thời báo kinh tế Việt Nam, Kinh tế Việt Nam và thế giới các năm từ 2000 – 2007, Hà Nội.
20. David A. Aaker (2003). Triển khai chiến lược kinh doanh. NXB Tổng hợp, Tp.HCM.
21. Peter R.A. Wells (2005). *Oil supply challenges*. EFTOX Petroleum Advisors Ltd.
22. Một số trang web của Việt Nam và thế giới: www.petrovietnam.com.vn; www.congnghedaukhi.com; www.tapchiconsan.org.vn; www.cpv.org.vn; www.ccop.or.th